

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2017/HS-ST
Ngày 10/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Ngô Văn Sang.

Bà: Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 128/2017/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2017/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Bùi Doãn B, sinh năm 1972, tại thôn Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Doãn B1 (đã chết) và bà Đoàn Thị Đ1 (đã chết); có vợ là Bùi Thị N (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 1998; tiền án: 01, Bản án số 111/2015/HSST ngày 22/7/2015, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B2 xử phạt 12 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, ngày 17/4/2016 chấp hành xong án phạt tù về địa phương, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 09/3/2001 bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1 xử phạt hành chính 50.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; Bản án số 114/HSST ngày 08/10/2001 của Tòa án nhân dân thị xã T2 xử phạt 06 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, bản án này đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ từ ngày 07/8/2017, đến ngày 10/8/2017 chuyển tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Anh Phạm Trọng T3, sinh năm 1986, trú tại thôn x- P, xã T3, huyện T1, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Quang Đ2, sinh năm 1967, trú tại thôn H, xã T4, huyện T1, tỉnh

Thái Bình. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 02 giờ 40 phút ngày 05/8/2017, Bùi Doãn B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup, mang biển kiểm soát 29AA-01074 đi trên đường 456. Khi đến khu vực thôn x- P, xã T3, huyện T1, tỉnh Thái Bình, B phát hiện 01 chiếc xe lôi bằng kim loại (loại xe tự chế) của anh Phạm Trọng T3 để trước cửa nhà không có người trông coi. B nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe lôi. B dùng xe, cách xe lôi khoảng 02 mét, rồi đi B đến kéo xe lôi đến vị trí xe mô tô và dùng dây cao su mang sẵn buộc xe lôi vào đuôi xe mô tô của mình. B điều khiển xe mô tô kéo theo xe lôi đến sân nhà ông Nguyễn Quang Đ2, B để xe lôi ở đó, lấy bật phũ lên rồi đi về nhà ngủ. Đến 07 giờ cùng ngày, B đến bán xe lôi cho ông Đ2 lấy 270.000 đồng và nói với ông Đ2 là xe của gia đình cần bán. Sau đó B mua lại 02 bánh xe lôi với giá 37.000 đồng, mục đích để mang về sử dụng. Đến ngày 07/8/2017, B đến Ban Công an xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình đầu thú về hành vi trộm cắp chiếc xe lôi và nộp lại 02 bánh xe lôi, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup, mang biển kiểm soát 29AA-01074.

Biên bản định giá tài sản và Bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-ĐG ngày 11/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thái Thụy kết luận “01 (một) xe lôi tự chế bằng kim loại, xe có 02 bánh xe, tổng trọng lượng xe là 62 kg. Xe mua tháng 02/2016, tại thời điểm xâm hại giá 1.200.000 đồng”.

Tại Cáo trạng số 127/CT-VKS ngày 19/10/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố Bùi Doãn B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 B luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Doãn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 B luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Doãn B từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về trách nhiệm dân sự, vật chứng và án phí.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Bùi Doãn B đều khai nhận vào khoảng 02 giờ 40 phút ngày 05/8/2017, B là đối tượng có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, có hành vi trộm cắp chiếc xe lôi tự chế của anh Phạm Trọng T3 để trước cửa nhà. Sau đó, B bán xe lôi cho ông Nguyễn Quang Đ2 lấy 270.000 đồng rồi mua lại 02 bánh xe lôi với giá 37.000 đồng, mục đích để mang về sử dụng. Đến ngày 07/8/2017, B đến Ban Công an xã T, huyện T1, tỉnh

Thái Bình đầu thú và giao nộp lại 02 bánh xe lôi, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup, mang biển kiểm soát 29AA-01074.

Lời khai nhận tội của bị cáo B phù hợp và được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là anh Phạm Trọng T3 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quang Đ2; Biên bản về việc người phạm tội ra đầu thú; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường; Biên bản định giá tài sản; Bản kết luận Định giá tài sản số 48/KL-ĐG ngày 11/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thái Thụy và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, vào khoảng 02 giờ 40 phút ngày 05/8/2017, bị cáo Bùi Doãn B đã có hành vi trộm cắp tài sản cắp chiếc xe lôi tự chế của anh Phạm Trọng T3 để trước cửa nhà, tổng giá trị tại thời điểm xâm hại là 1.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 138 B luật hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 B luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 138 Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.

[2] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Doãn B là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho nhân dân. Bị cáo đã trưởng thành về mọi mặt, đã bị xử lý hành chính, bị phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản. Tại Bản án số 111/2015/HSST ngày 22/7/2015, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B2 xử phạt 12 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, ngày 17/4/2016 chấp hành xong án phạt tù về địa phương, chưa được xóa án tích, không chịu sửa chữa sai lầm lại tiếp tục phạm tội mới. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi bị phát hiện đã ra đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 B luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3] Trong vụ án này: Ông Nguyễn Quang Đ2 đã mua chiếc xe lô do B trộm cắp. Khi bán B nói là xe của gia đình cần bán, ông Đ2 không biết là tài sản trộm cắp, Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông Đ2 là phù hợp. Sau khi mua xe, ông Đ2 đã cắt ra và bán phế liệu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Trọng T3 yêu cầu bị cáo B phải bồi thường cho anh trị giá chiếc xe lô là 1.100.000 đồng xét thấy yêu cầu của anh T3 là chính đáng nên buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T3 số tiền là 1.100.000 đồng. Ông Nguyễn Quang Đ2 không yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về vật chứng của vụ án: Đối với 02 bánh xe lô, anh T3 có đơn xin nhận lại tài sản, Cơ quan điều tra đã trả cho anh T3 là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup, B dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, B khai mua của một người không biết tên tuổi ở Nam Định với giá 2.800.000 đồng từ tháng 3/2017, quá trình sử dụng bị mất biển kiểm soát nên B mua biển kiểm soát 29AA-01074 của người không biết tên, tuổi, địa chỉ ở thành phố T2 với giá 100.000 đồng. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của ông Lưu Văn Q, sinh năm 1952, trú tại thôn Đ3, xã D, huyện K, tỉnh H bị mất ngày 14/02/2017 tại Miếu thờ V, thôn Đ3, xã D, huyện K, tỉnh H. Cơ quan điều tra đã có công văn gửi Công an huyện K để phối hợp giải quyết và tách chiếc xe trên để xử lý sau là đúng với quy định của pháp luật. Đối với biển kiểm soát 29AA-01074, quá trình điều tra xác định chiếc biển số xe trên là của xe mô tô nhãn hiệu KYMCO mang tên Lê Thùy L ở L1, H1. Cơ quan điều tra đã có công văn gửi Công an quận L1 để phối hợp giải quyết và tách chiếc biển số xe trên để xử lý sau là đúng với quy định của pháp luật.

[6] Bị cáo B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Doãn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 B luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Doãn B 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 B luật hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 B luật dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Doãn B phải bồi thường cho anh Phạm Trọng T3 số tiền là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 bánh xe lồi, anh T3 có đơn xin nhận lại tài sản, Cơ quan điều tra đã trả cho anh Thành là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup, Cơ quan điều tra đang quản lý của B, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của ông Lưu Văn Q, sinh năm 1952, trú tại thôn Đ3, xã D, huyện K, tỉnh H bị mất ngày 14/02/2017 tại Miếu thờ V, thôn Đ3, xã D, huyện K, tỉnh H. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã tách chiếc xe mô tô trên để xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

Đối với biển kiểm soát 29AA-01074, Cơ quan điều tra đang quản lý của B, quá trình điều tra xác định chiếc biển số xe trên là của xe mô tô nhãn hiệu KYMCO mang tên Lê Thùy L ở L1, H1. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã tách chiếc biển số xe trên để xử lý sau là đúng với quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 99 B luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Bùi Doãn B phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Doãn B, ông Nguyễn Quang Đ2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 10/11/2017; anh Phạm Trọng T3 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền